TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2020/DS-PT

Ngày 18 - 5 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

Và hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Tấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Bình Đảo

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Đương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 3; ngày 11 và 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2019/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay và mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 09/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐ-PT ngày 13 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng NN&PTNTVN. Địa chỉ: Số 18 THD, khu đô thị MĐ, quận TL, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án: Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1977 - Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Kiên Giang II (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tạ Thanh L, sinh năm: 1971. Địa chỉ: số 149, tổ 3, ấp VT, xã VHH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/3/2020, các phiên tòa sau có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1 (Vắng mặt tại phiên tòa ngày 10/3/2020, các phiên tòa sau có mặt).

2. NLQ2 (Có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của NLQ2: Luật sư: Nguyễn Việt B - Văn phòng luật sư Nguyễn Việt B, đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

3. NLQ3 (Có mặt tại phiên tòa ngày 10/3, ngày 11/5/; vắng mặt tại phiên tòa ngày 18/5/2020).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của NLQ3: Luật sư Nguyễn Trường Th - Văn phòng luật sư ĐN, đoàn luật sư tỉnh Cần Thơ (Có mặt tại phiên tòa ngày 10/3 và 18/5; vắng mặt tại phiên tòa ngày 11/5/2020)

- *Người kháng cáo:* NLQ2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNTVN trình bày:

Khách hàng vay vốn là ông Tạ Thanh L và NLQ1 có ký các hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng Chi nhánh huyện CT Kiên Giang (nay là Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) với tổng số tiền vay là: 19.655.000.000 đồng *(Mười chín tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng)*, tổng dư nợ còn lại tại các hợp đồng tín dụng đến ngày 09/10/2019 cả gốc và lãi với số tiền là **12.515.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **1.746.666.111** đồng; lãi quá hạn là **210.703.472** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: **14.472.369.583 đồng** được thể hiện cụ thể bằng các hợp đồng tín dụng sau đây:

1. Hợp đồng tín dụng số: 7709-LAV-201500079 ký ngày 12/01/2015, số tiền vay là 5.000.000.000đ *(Năm tỷ đồng)*, dư nợ gốc và lãi đến ngày 27/09/2019 là **1.635.948.888 đồng** với lãi suất thoả thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 12.00%/năm, lãi suất quá hạn là: 18%/năm (kèm theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 08/12/2015 về điều chỉnh lãi suất từ 12%/năm xuống 11,5%/năm kể từ ngày 09/12/2015), mục đích sử dụng tiền vay: Sửa chữa tàu cá, thời hạn vay 48 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 08/01/2019, đã đóng lãi đến ngày 09/7/2018.

2. Hợp đồng tín dụng số: 7709-LAV-201503558 ký ngày 18/9/2015, số tiền vay là 4.000.000.000đ *(Bốn tỷ đồng)*, dư nợ gốc và lãi đến ngày 27/09/2019 là **1.122.347.222 đồng**, với lãi suất thoả thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/năm, lãi suất quá hạn là: 1725%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Sửa chữa tàu cá, thời hạn vay 48 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 16/9/2019, đã đóng lãi

đến ngày 20/9/2018 (kèm theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/2016/PLHĐTD và phụ lục 02/2016/PLHĐTD ký ngày 02/02/2016).

3. Hợp đồng tín dụng số: 7709-LAV-201800081 ký ngày 11/01/2018, số tiền vay là 1.200.000.000 đồng *(Một tỷ hai trăm triệu đồng)* dư nợ đến ngày 27/09/2019 là **1.421.666.666 đồng**, với lãi suất thoả thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí đánh bắt hải sản, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 10/01/2019, đã đóng lãi đến ngày 10/4/2018.

4. Hợp đồng tín dụng số: 7709-LAV-201800318 ký ngày 09/02/2018, số tiền vay là 2.450.000.000đ *(Hai tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng)*, dư nợ đến ngày 27/09/2019 là **2.837.916.666 đồng**, với lãi suất thoả thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí đánh bắt hải sản, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 08/02/2019, đã đóng lãi đến ngày 28/6/2018.

5. Hợp đồng tín dụng số: 7709-LAV-20100388 ký ngày 28/02/2018, số tiền là 3.200.000.000đ (Ba tỷ hai trăm triệu đồng), dư nợ đến ngày 27/09/2019 là **3.205.327.778 đồng**, với lãi suất thoả thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 16,50%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Sửa chữa tàu cá, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 27/02/2023, từ khi vay đến ngày 11/01/2019 ông Tạ Thanh Lăng và bà Nguyễn Thị Đèo chưa đóng lãi cho Ngân hàng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn).

6. Hợp đồng tín dụng số: 7709-LAV-201801463 ký ngày 09/8/2018, số tiền vay là 1.125.000.000đ *(Một tỷ một trăm hai mươi lăm triệu đồng)*, dư nợ đến ngày 27/09/2019 là **1.233.906.250 đồng**, với lãi suất thoả thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, lãi suất quá hạn là 15%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí khai thác hải sản, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 08/8/2019, đã đóng lãi đến ngày 07/11/2018.

7. Hợp đồng tín dụng số: 7709-LAV-201801785 ký ngày 26/9/2018, số tiền là 2.680.000.000đ *(Hai tỷ sáu trăm tám mươi triệu đồng)*, dư nợ đến ngày 27/09/2019 là **2.952.384.028 đồng**, với lãi suất thoả thuận tại thời điểm ký hợp đồng là 10%/năm, lãi suất quá hạn là:15%/năm, mục đích sử dụng tiền vay: Chi phí đánh bắt hải sản, thời hạn vay 12 tháng, hạn trả cuối cùng vào ngày 25/9/2019, từ khi vay đến ngày 11/01/2019 ông Tạ Thanh L và NLQ1 chưa đóng lãi cho Ngân hàng (bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn).

Trong quá trình vay vốn ông Tạ Thanh L và NLQ1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng là không trả vốn gốc và lãi đúng theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

Các tài sản thế chấp bao gồm:

1. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, số phát hành: W 729113, số vào sổ: 1778/04QSDĐ/AH, do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố RG, tỉnh Kiên Giang, cấp ngày 31/5/2004, loại đất: đất vườn, diện tích 554.10m^2, số thửa 76, tờ bản đồ số 93, địa chỉ thửa đất tại đường Ngô Văn S, khu phố 04, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang thuộc quyền sử dụng của ông Tạ Thanh L và NLQ1, đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 7709-LCL-201800247 ký ngày 09/02/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 09/02/2018.

2. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, số phát hành: BU 339562; BU 339563, số vào sổ: CH01922; CH01923, do UBND huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 23/12/2014, loại đất: đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm, diện tích 244.2m^2, số thửa 1043, 1050; tờ bản đồ số 15, địa chỉ thửa đất tại ấp VT, xã VHH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 05b/HĐTC ký ngày 12/01/2015 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/01/2015.

3. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, số phát hành: AK 551677, số vào sổ: 001861, do UBND huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 13/5/2009, loại đất: Đất ONT, đất LNK, diện tích 116.4m^2, số thửa165; tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất tại ấp VT, xã VHH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang, đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 406/HĐTC ký ngày 18/9/2015 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/9/2015.

4. Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở, số phát hành: 919053089200433, số vào sổ: 00333/2009, do UBND huyện CT, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 28/5/2009, loại nhà: Nhà ở gia đình, cấp (hạng) nhà ở: Nhà cấp 3, diện tích nhà: 113.74m^2 , kết cấu nhà: Khung cột BTCT, mái tole, sàn gỗ, vách xây gạch D10, nền gạch ceramic, số tầng: Nhà 2 tầng (1 trệt, 1 gác), năm xây dựng: 1997, địa chỉ nhà tại ấp VT, xã VHH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 406/HĐTC ký ngày 18/9/2015 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/9/2015.

5. Xe ô tô con 07 chỗ biển số đăng ký: 68A-056.03, giấy chứng nhận đăng ký ô tô số: 010069, do Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày: 03/01/2017, loại xe: ô tô con, màu sơn: Màu bạc, dung tích: 1998, số máy: 1TRA212596, số loại: 3EM6G3700616, số loại: INNOVA, số chỗ ngồi: 07 chỗ, loại xe: TOYOTA, đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 7709-LCL-201800246 ký ngày 09/02/2018 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/7/2018.

6. Tàu cá KG-94334-TS; KG-93894-TS; KG-94094-TS đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 05/HĐTC ký ngày 12/01/2015 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, thuộc quyền sử dụng của ông Tạ Thanh L và NLQ1. Thông tin chung về tài sản:

6.1 Tàu cá, mang số hiệu: KG-94334-TS; Chủ tàu: Tạ Thanh L

- Cơ quan đăng ký: Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi Thủy sản tỉnh Kiên Giang.

- Loại tàu: Đánh cá; Công dụng; Lưới kéo đôi.

- Năm đóng: 2014; Nơi đóng: Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Mẫu thiết kế: KG-12/12-13ĐM; Cơ quan thiết kế: Công ty CP TV TKCN Thủy sản.

- Đặc điểm kỹ thuật:

+ Chiều dài: $L_{max,}$m: 21.20, $L_{tk,}$m: 18.60; Chiều rộng: $B_{max,}$m: 5.04, $B_{tk,}$ m: 5.04

+ Chiều cao mạn D,m: 2.64; Chiều chìm d,m: .....;Mạn khô f,m:

+ Vật liệu vỏ: Gỗ + Composite; Tổng dung tích: 87.27, sức chở tối đa, tấn: 56.84

+ Tốc độ tự do hải lý/h:

+ Máy chính: (hệ số béo thể tích: 0.65) Lcb x Bcb x Hcb: 7.78 x 2.69 x 3.04

STT	Ký hiệu	Số máy	Công suất (sức ngựa)	Nơi chế tạo
01	CUMMINS KTA19	31106225	500	Mỹ

6.2 Tàu cá, mang số hiệu: KG-93894-TS; Chủ tàu: Tạ Thanh L

- Cơ quan đăng ký: Chi cục Thủy sản tỉnh Kiên Giang.

- Loại tàu: Đánh cá; Công dụng; Lưới kéo đôi.

- Năm đóng: S/c 2005; Nơi đóng: An Biên, Kiên Giang.

- Mẫu thiết kế: Dân gian; Cơ quan thiết kế: .....

- Đặc điểm kỹ thuật:

+ Chiều dài: $L_{max,}$m: 17.60, $L_{tk,}$m: 14.70; Chiều rộng: $B_{max,}$m: 5.18, $B_{tk,}$ m: 4.68

+ Chiều cao mạn D,m: 2.45; Chiều chìm d,m: .....;Mạn khô f,m:

+ Vật liệu vỏ: Gỗ + Composite; Tổng dung tích: 64.23, sức chở tối đa, tấn: 38.71

+ Tốc độ tự do hải lý/h:

+ Máy chính: (hệ số béo thể tích: 0.65) Lcb x Bcb x Hcb: 5.64 x 2.42 x 2.68

STT	Ký hiệu	Số máy	Công suất (sức ngựa)	Nơi chế tạo
01	HINO F20C	B-16260	380	Nhật

6.3 Tàu cá, mang số hiệu, KG-94094-TS; Chủ tàu: Tạ Thanh Lăng

- Cơ quan đăng ký: Chi cục KT-BVNLTS Kiên Giang.

- Loại tàu: Đánh cá; Công dụng; Lưới kéo đôi.

- Năm đóng: 2013; Nơi đóng: CT, Kiên Giang.

- Mẫu thiết kế: KG-08/03-11ĐM; Cơ quan thiết kế: Công ty CP TV TKCN Thủy sản.

- Đặc điểm kỹ thuật:

+ Chiều dài: $L_{max,}$m: 24.90, $L_{tk,}$m: 21.70; Chiều rộng: $B_{max,}$m: 5.96, $B_{tk,}$ m: 5.96

+ Chiều cao mạn D,m: 3.25; Chiều chìm d,m: .....;Mạn khô f,m:

+ Vật liệu vỏ: Gỗ + Composite; Tổng dung tích: 133.47, sức chở tối đa, tấn: 96.54

+ Tốc độ tự do hải lý/h:

+ Máy chính: (hệ số béo thể tích: 0.65) Lcb x Bcb x Hcb: 7.32 x 2.82 x 3.12

STT	Ký hiệu	Số máy	Công suất (sức ngựa)	Nơi chế tạo
01	CUMMINS KTA19-G3	37185015	685	Mỹ

6.4 Tàu cá, mang số hiệu: KG-90746-TS; đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 7709-LCL-201602660 ký ngày 01/8/2016 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/8/2016 thuộc quyền sử dụng của ông Tạ Thanh L và NLQ1.

Hiện trạng hai bên cùng thống nhất theo thiết kế sau:

- Cơ quan đăng ký: Chi cục Thủy sản Kiên Giang.

- Loại tàu: Đánh cá; Công dụng; Lưới kéo đôi.

- Năm đóng: S/c 2010; Nơi đóng: CT, Kiên Giang.

- Mẫu thiết kế: KG-1606-33HC; Cơ quan thiết kế: Công ty TNHH HN

- Đặc điểm kỹ thuật:

+ Chiều dài: $L_{max,}$m: 21.10, $L_{tk,}$m: 17.60; Chiều rộng: $B_{max,}$m: 5.28, $B_{tk,}$ m: 5.28

+ Chiều cao mạn D,m: 2.75; Chiều chìm d,m: .....;Mạn khô f,m:

+ Vật liệu vỏ: Gỗ+Composite ; Tổng dung tích: 90.17, sức chở tối đa, tấn: 58.70

+ Tốc độ tự do hải lý/h:

+ Máy chính: (hệ số béo thể tích: 0.65) Lcb x Bcb x Hcb: 7.48 x 2.61 x 2.87

STT	Ký hiệu	Số máy	Công suất (sức ngựa)	Nơi chế tạo
01	HINO V26C	B-10620	450	Nhật

6.5. Tàu cá mang số đăng ký: KG-93702-TS, đã được thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 407/HĐTC ký ngày 18/9/2015 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/9/2015; thuộc quyền sử dụng của ông Tạ Thanh L và NLQ1.

- Cơ quan đăng ký: Chi cục KT-BVNLTS Kiên Giang.

- Loại tàu: Đánh cá; Công dụng; Lưới kéo đôi.

- Năm đóng: 2012; Nơi đóng: CT, Kiên Giang.

- Mẫu thiết kế: KG-07/03-11ĐM; Cơ quan thiết kế: Công ty CP TV TKCN Thủy sản.

- Đặc điểm kỹ thuật:

+ Chiều dài: $L_{max,}$m: 23.80, $L_{tk,}$m: 20.70; Chiều rộng: $B_{max,}$m: 5.94, $B_{tk,}$ m: 5.94

+ Chiều cao mạn D,m: 3.18; Chiều chìm d,m: .....;Mạn khô f,m:

+ Vật liệu vỏ: Gỗ ; Tổng dung tích: 124.78, sức chở tối đa, tấn: 89.81

+ Tốc độ tự do hải lý/h:

+ Máy chính: (hệ số béo thể tích: 0.65) Lcb x Bcb x Hcb: 7.35 x 2.8 x 2.96

STT	Ký hiệu	Số máy	Công suất (sức ngựa)	Nơi chế tạo
01	CUMMINS: KTA19	31118993	500	Mỹ

Ngân hàng Chi nhánh huyện CT Kiên Giang (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tạ Thanh L, cùng NLQ1 hoàn trả cho Ngân hàng Chi nhánh huyện CT Kiên Giang (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) số tiền gốc còn lại đến ngày 09/10/2019 số tiền là **12.515.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **1.746.666.111** đồng; lãi quá hạn là **210.703.472** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: **14.472.369.583 đồng** và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.Trường hợp ông Tạ Thanh L và NLQ1 không trả thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

Tại phiên toà hôm nay: Người đại diện của Ngân hàng Chi nhánh huyện CT Kiên Giang (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Tạ Thanh L, cùng NLQ1 hoàn trả cho Ngân hàng Chi nhánh huyện CT Kiên Giang (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) số tiền gốc còn lại đến ngày 09/10/2019 số tiền là **12.515.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **1.746.666.111** đồng; lãi quá hạn là **210.703.472** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: **14.472.369.583 đồng** và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.Trường hợp ông Tạ Thanh L và NLQ1 không trả thì xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

- Bị đơn ông Tạ Thanh L trình bày:

Ông và vợ bà NLQ1 có ký các hợp đồng tín dụng tại Ngân hàng Chi nhánh huyện CT Kiên Giang (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) với tổng số tiền vay là: 19.655.000.000 đồng *(Mười chín tỷ sáu trăm năm mươi lăm triệu đồng)*, tổng dư nợ còn lại tại các hợp đồng tín dụng đến ngày đến ngày 09/10/2019 số tiền là **12.515.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **1.746.666.111** đồng; lãi quá hạn là **210.703.472** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: **14.472.369.583 đồng** và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng được thể hiện cụ thể bằng các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản như đại diện của NHNN&PTNT huyện CT (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) đã trình bày.

Tại phiên toà hôm nay, ông Tạ Thanh L trình bày: Ông thống nhất như lời trình bày của người đại diện NHNN&PTNTVN thừa nhận hiện nay còn nợ Ngân hàng số tiền gốc đến ngày 09/10/2019 số tiền là **12.515.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **1.746.666.111** đồng; lãi quá hạn là **210.703.472** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: **14.472.369.583 đồng** và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Nhưng do hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần trong thời hạn từ 03 đến 06 tháng nếu bán được tài sản sẽ trả cho Ngân hàng. Trong trường hợp không trả, thì đồng ý để Ngân hàng yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ cho ngân hàng.

- NLQ1 trình bày:

NLQ1 thống nhất với lời trình bày của NHNN&PTNTVN huyện CT (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) cũng như lời trình bày của chồng bà là ông Tạ Thanh L về số tiền vay và tiền lãi. NLQ1 không có ý kiến gì khác

- NLQ2có yêu cầu độc lập trình bày:

Ông không đồng ý giao chiếc tàu KG93894 - TS cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp ông L và NLQ1 không trả nợ cho Ngân hàng,. Tuy nhiên NLQ3 yêu cầu ông phải trả số tiền 1.000.000.000 đồng thì ông không đồng ý với lý do:

Sau khi thỏa thuận và đồng ý thì NLQ3 đồng ý mua lại chiếc tàu của ông mua của ông L đứng tên vì ông đã mua lại của ông L từ ngày 28/5/2016 đã thanh toán đủ cho ông L. NLQ3 đồng ý mua lại chiếc tàu với giá 1.100.000.000 đồng, NLQ3 đồng ý đưa trước 1.000.000.000 đồng để lấy tàu cá về hoạt động cho đến nay và hứa sau hai tháng để ông L và NLQ3 sang tên xong sẽ đưa lại số tiền còn thiếu cho ông. Khi NLQ3 lấy chiếc tàu cá thì còn 4.000 lít dầu NLQ3 cũng thống nhất là sau khi sang tên xong sẽ trả cho ông nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Như vậy

NLQ3 còn nợ lại của ông số tiền là 100.000.000 đồng và 4.000 lít dầu (hiện tại tương đương 44.000.000 đồng). Tổng cộng là 144.000.000 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay NLQ2 có ý kiến:

Yêu cầu ông Tạ Thanh L và NLQ3 phải sớm sang tên đổi chủ chiếc tàu KG 93894 - TS với nhau như đã thỏa thuận và đồng ý tại Công an xã VHP, huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

Yêu cầu NLQ3 sớm trả cho ông số tiền 144.000.000 đồng vì đã hơn hai năm chưa thanh toán xong.

Đối với yêu cầu độc lập của NLQ3, thì ông không đồng ý.

- NLQ3 - Có yêu cầu độc lập trình bày:

Ngày 19/5/2017, ông có làm hợp đồng mua bán giấy tay với NLQ2, sinh năm 1978, địa chỉ: Số 76/49/9 SVH, phường AB, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang để mua chiếc tàu cá số hiệu KG93894-TS do ông Tạ Thanh L đứng tên chủ sở hữu với giá 1.100.000.000 đồng, ông đã trả cho NLQ2 được 1.000.000.000 đồng . Hiện nay chiếc tàu cá này do ông đang quản lý, khai thác và sử dụng và chiếc tàu cá này vẫn chưa được sang tên cho ông làm chủ sở hữu vẫn còn đứng tên ông Tạ Thanh L. NLQ3 được biết hiện tại thì chiếc tàu cá này đang được thế chấp tại Ngân hàng NN&PTNNVN huyện CT (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) và đã quá hạn thanh toán mà ông L không có khả năng chi trả nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu phát mãi tài sản của ông L đã thế chấp trong đó có chiếc tàu cá của ông đã mua của NLQ2.

Với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ của Ngân hàng gồm cả chiếc tàu cá của ông, thì ông vẫn đồng ý giao chiếc tàu cá cho Ngân hàng, nhưng ông yêu cầu NLQ2 phải trả lại cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng.

NLQ3 xác nhận còn nợ lại của NLQ2 số tiền 100.000.000 đồng và 4.000 lít dầu (hiện tại tương đương 44.000.000 đồng). NLQ3 không đồng ý với yêu cầu trả lại số tiền 144.000.000 đồng của NLQ2 với lý do khi ông mua tàu cá này từ NLQ2, thì NLQ2 đã mua tàu cá của ông L rồi nên việc sang tên phải do NLQ2 và ông L thực hiện.

Tại phiên tòa hôm nay NLQ3 có ý kiến:

NLQ3 đồng ý giao chiếc tàu cá cho Ngân hàng xử lý để thu hồi nợ.

NLQ3 yêu cầu NLQ2 phải trả lại cho ông số tiền 1.000.000.000 đồng, còn đối với ý kiến của NLQ2 yêu cầu ông trả lại 4.000 lít dầu trị giá khoảng 44.000.000 đồng thì NLQ3 cũng đồng ý, còn đối với với ý kiến của NLQ2 yêu cầu NLQ3 trả lại 100.000.000 đồng thì NLQ3 không đồng ý.

NLQ3 xác nhận còn nợ lại của NLQ2 số tiền 100.000.000 đồng và 4.000 lít dầu (hiện tại tương đương 44.000.000 đồng). NLQ3 không đồng ý với yêu cầu trả lại số tiền 144.000.000 đồng của NLQ2 với lý do khi NLQ3 mua tàu cá này từ NLQ2 thì NLQ2 đã mua tàu cá của ông L rồi nên việc sang tên phải do NLQ2 và ông L thực hiện

Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHNN&PTNTVN về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*" đối với bị đơn ông Tạ Thanh L và NLQ1.

2. Buộc bị đơn ông Tạ Thanh L và NLQ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền là **12.515.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **1.746.666.111** đồng; lãi quá hạn là **210.703.472** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: **14.472.369.583 đồng** và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng.

Trong trường hợp không trả được thì đồng ý để ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Tài sản thế chấp được thể hiện theo các hợp đồng thế chấp nêu trên.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của NLQ3 đối với NLQ2 buộc NLQ2 phải trả lại cho NLQ3 số tiền là 1.000.000.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của NLQ3 trả lại cho NLQ2 4.000 lít dầu (hiện tại tương đương 44.000.000 đồng).

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện độc lập của NLQ2 về việc yêu cầu NLQ3 phải trả số tiền 44.000.000 đồng là tiền dầu mà NLQ3 còn thiếu của ông. Không chấp nhận yêu cầu của NLQ2 về việc yêu cầu ông Tạ Thanh L và NLQ3 phải sớm sang tên đổi chủ chiếc tàu KG 93894 - TS với nhau như đã thỏa thuận và yêu cầu NLQ3 phải trả thêm số tiền là 100.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phần án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/10/2019, **NLQ2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung**: Sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của NLQ2 về việc buộc ông L và NLQ3 phải hoàn tất thủ tục sang tên tàu cá như thỏa thuận, NLQ3 phải trả cho ông số tiền còn nợ là 144.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ2 giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ2 cho rằng: Tại cấp sơ thẩm chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu vì hợp đồng mua bán tàu cá của ông L và NLQ2 chưa được giải quyết nên không thể xử lý tài sản thế chấp tàu cá được. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cho ông L, NLQ1 thời gian trả nợ Ngân hàng, lấy giấy tờ làm thủ tục chuyển quyền cho NLQ2 và NLQ3. Nên hủy phần tuyên án của Tòa sơ thẩm đối với hợp đồng mua bán tàu cá.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập NLQ3 và Luật sư Nguyễn Trường Th thống nhất sẽ giao tàu cá KG93894-TS hiện tại NLQ3 đang sử dụng cho Ngân hàng phát mãi thu hồi nợ, nếu ông L không có khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng. Buộc NLQ2 trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng; thống nhất hoàn lại cho NLQ2 44.000.000 đồng tương đương 4.000 lít dầu không chấp nhận trả 100.000.000 đồng cho NLQ2.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNTVN huyện CT (nay Ngân hàng Chi nhánh Kiên Giang II) vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Tạ Thanh L và NLQ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền **14.472.369.583 đồng** và toàn bộ lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ vay cho Ngân hàng. Trong trường hợp không trả được thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Riêng tài sản thế chấp là tàu cá KG93894-TS dùng để đảm bảo khoản vay số tiền 1.350.000.000 đồng hiện các bên còn tranh chấp nhằm đảm bảo quyền lợi cho các bên, Ngân hàng đồng ý rút phần yêu cầu này không yêu cầu xử lý tài sản khi nào các bên giải quyết xong sẽ yêu cầu sau.

Bị đơn ông Tạ Thanh L, NLQ1 thống nhất lời trình bày của Ngân hàng và xác nhận hiện nay còn nợ **14.472.369.583 đồng** và xin trả dần nếu không khả năng thanh toán thì đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ. Tài sản thế chấp là tàu cá KG93894-TS đã bán cho NLQ2 chưa làm thủ tục sang tên hiện các bên đang tranh chấp, ông L, NLQ1 sẽ kiếm tiền trả nợ cho Ngân hàng lấy giấy tờ làm thủ tục sang tên cho người mua.

Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan NLQ2. Hủy một phần bản án sơ thẩm phần tranh chấp hợp mua bán tài sản.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về khoản vay của vợ chồng ông Tạ Thanh L, NLQ1 đã được Tòa sơ thẩm giải quyết và các bên không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét yêu cầu khởi kiện này.

Đối với kháng cáo tranh chấp hợp đồng mua bán tàu cá KG93894-TS giữa NLQ2 và NLQ3, Tòa sơ thẩm xác định hợp đồng vô hiệu buộc NLQ2 trả tiền cho NLQ3, lời khai của các bên và tại phiên tòa điều thừa nhận khi giao dịch mua bán có biết tàu cá đang thế chấp tại Ngân hàng để đảm bảo khoản vay nợ của ông L. Tuy nhiên các bên vẫn tiến hành giao dịch là vi phạm điều cấm của pháp luật được quy định tại khoản 8 Điều 320 Bộ luật Dân sự năm 2015. Vì vậy cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

Xét về lỗi xét thấy giao dịch mua bán tàu cá giữa ông L và NLQ2 ngày 28/5/2016 bị vô hiệu do thời điểm mua bán tài sản đang thế chấp và không có sự thỏa thuận của bên nhận thế chấp, nhưng NLQ2 và ông L vẫn tiến hành giao dịch là vi phạm. Vì vậy hợp đồng mua bán tàu cá không có hiệu lực kể từ khi giao kết. Do giao dịch giữa ông L và NLQ2 bị vô hiệu, nên đương nhiên hợp đồng mua bán tàu cá tiếp theo giữa NLQ2 và NLQ3 là vô hiệu, các bên tham gia giao dịch điều biết rõ nên khi giao dịch bị hủy bỏ hậu quả của việc hủy bỏ do các bên tự chịu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, NLQ2 yêu cầu ông L và NLQ3 tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tàu cá KG93894-TS và NLQ3 thanh toán cho ông 144.000.000 đồng mà không có bất kỳ một yêu cầu nào khác dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về quyền yêu cầu bồi thường hợp đồng, trong trường hợp yêu cầu độc lập không được chấp nhận.Tuy NLQ2 không yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu đối với ông L, nhưng NLQ3, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ3 có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Theo hướng dẫn tại Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC thì Tòa án vẫn phải giải quyết hậu quả của hợp đồng nhằm xử lý toàn diện nội dung vụ án và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm không giải quyết hậu quả của hợp đồng mua bán tàu cá giữa ông L và NLQ2, nên không thể xử lý tàu cá KG93894-TS là tài sản thế chấp dùng để đảm bảo khoản vay tín dụng của ông L để thi hành án. Mặc dù NLQ3 đã tự nguyện giao lại cho Ngân hàng.

Tại Tòa Ngân hàng đồng ý rút yêu cầu phần tài sản thế chấp là tàu cá KG93894-TS là tài sản thế chấp dùng để đảm bảo khoản vay tín dụng 1.350.000.000 của ông L, NLQ1 để chờ giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bàn tàu cá giữa ông L, NLQ2 và NLQ3 sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, NLQ1 đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán tàu cá, NLQ3 yêu cầu hủy hợp đồng mua bán, do các bên còn tranh chấp, tại Tòa sơ thẩm không làm rõ nội dung giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu giữa ông L và NLQ2, nên không tiến hành thẩm định giá trị tàu cá tại thời điểm xét xử làm căn cứ giải quyết hợp đồng vô hiệu nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho NLQ2. Mặc dù NLQ2 khai có sửa chữa tàu cá thêm khoản 300.000.000 đồng. Những sai sót này của cấp sơ thẩm là nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên phải hủy phần tuyên bố hợp đồng mua bán tàu cá giao về cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

Những phần khác của án sơ thẩm các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo thuận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, chấp nhận đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ3; chấp nhận kháng cáo của NLQ2; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của NLQ2. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang về phần nội dung tranh chấp hợp đồng mua bán, sửa phần án phí và phần quyết định bản án cho phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Ông Tạ Thanh L và NLQ1 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch của số tiền 14.409.497.498 đồng. Cụ thể: {112.000.000 đồng + [0,1% x (14.409.497.498 đồng 4.000.000.000 đồng)]} = 122.409.497 đồng (làm tròn 122.409.000 đồng).

Ngân hàng NN&PTNTVN không phải chịu án phí, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Đối với số tiền tạm ứng án phí của NLQ2 và NLQ3 sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đối với phần tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

- *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Do kháng cáo của NLQ2 được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, nên không phải nộp án phí phúc thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho NLQ2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của NLQ2.

Giữ nguyên một phần bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 9 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang về phần tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản giữa Ngân hàng NN&PTNTVN với bị đơn ông Tạ Thanh L và NLQ1.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Kiên Giang về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản giữa ông Tạ Thanh L, NLQ2 và NLQ3.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNTVN về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản*" đối với bị đơn ông Tạ Thanh L và NLQ1.

2. Buộc bị đơn ông Tạ Thanh L và NLQ1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng NN&PTNTVN số tiền là **12.515.000.000** đồng, nợ lãi trong hạn là **1.746.666.111** đồng; lãi quá hạn là **210.703.472** đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là: **14.472.369.583đ** *(Mười bốn tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn năm tăm tám mươi ba đồng)*.

Trong trường hợp không trả được thì đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho ngân hàng. Tài sản thế chấp được thể hiện theo các hợp đồng thế chấp nêu trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, vợ chồng ông Tạ Thanh L, NLQ1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng NN&PTNTVN thì lãi suất mà ông L, NLQ1 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng NN&PTNTVN theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng NN&PTNTVN.

3. Hủy một phần bản án sơ thẩm về việc giải quyết yêu cầu độc lập của NLQ2 và NLQ3 đối với tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là tàu cá KG93894-TS. Giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại theo thủ tục tố tụng chung.

4. Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Tạ Thanh L và NLQ1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 122.409.000đ *(Một trăm hai mươi hai triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng)*.

Hoàn trả cho Ngân hàng NN&PTNTVN số tiền tạm ứng án phí đã nộp 60.636.704đ *(Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ bốn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009490 ngày 01/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang (Do Trần Hoàng H nộp).

Số tiền tạm ứng án phí của NLQ2 và NLQ3 sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án đối với phần tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho NLQ2 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005329 ngày 24/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Kiên Giang.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện CT;
- THA dân sự huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Tấn